

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03/01/2020

V/v : Tranh chấp ly hôn giữa anh A
và chị B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Năm

2. Ông Hoàng Minh Đang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1038/2019/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2019, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 315/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/11/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 204/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1973;

Nơi cư trú: Số 1/9A đường C, Phường H, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Số 1/9A đường C, Phường H, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2019 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng A trình bày:

Anh A và chị Nguyễn Thị Thu B chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng

nhận đăng ký kết hôn số 191, đăng ký ngày 16/12/1999. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do giữa anh A và chị B bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây tranh cãi. Mặc dù cả hai bên đã nhiều lần tự hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng giữa vợ chồng không còn tiếng nói chung, không chia sẻ được các vấn đề trong cuộc sống gia đình. Do đó, anh A nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh A được ly hôn chị B.

Về con chung: Có ba người con chung tên:

1. Nguyễn Hoàng Tín D, sinh ngày 08/7/2000.
2. Nguyễn Hoàng E, sinh ngày 23/8/2001
3. Nguyễn Hoàng Yến F sinh ngày 07/12/2003.

Đối với các con chung Tín D và Hoàng E đã thành niên nên anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng con chung Yến F, anh A giao chị B trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn do cháu F là con gái ở với mẹ sẽ phù hợp hơn, anh A xin tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung Yến F do hiện nay anh còn phải lo cho hai người con lớn đang học đại học.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh A tự xác định giữa anh A và chị B không có tài sản chung và không nợ gì của ai.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi được lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử, Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng dân sự, về thời hạn giải quyết vụ án đảm bảo theo quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thu B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để hòa giải mà vẫn cố tình vắng mặt. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Chị B đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập dự phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị B theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng A có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng A thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu B có nơi cư trú tại Quận 8 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Anh Nguyễn Hoàng A và chị Nguyễn Thị Thu B chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 191, đăng ký ngày 16/12/1999, nên xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của anh A, anh A trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do giữa anh A và chị B bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên gây tranh cãi, dù đã cố gắng hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn sự chia sẻ và tôn trọng nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh A yêu cầu được ly hôn. Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của anh A là có căn cứ cần giải quyết.

Xét thấy chị B đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng chị B vẫn vắng mặt và cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử, điều này thể hiện chị B không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng giữa anh A và chị B không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên yêu cầu ly hôn của anh A là có căn cứ cần chấp nhận vì phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Anh A và chị B có ba người con chung tên:

1. Nguyễn Hoàng Tín D, sinh ngày 08/7/2000.
2. Nguyễn Hoàng E, sinh ngày 23/8/2001
3. Nguyễn Hoàng Yến F, sinh ngày 07/12/2003.

Đối với các con chung Tín D và Hoàng E đã thành niên nên anh A không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết. Đối với con chung Yến F là con gái nên anh A có nguyện vọng giao cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn và xin tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung Yến F do hiện nay anh A còn đang lo chi phí ăn học cho hai người con lớn.

Xét yêu cầu của anh A, ý kiến bằng văn bản của cháu Yến F là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình mặt khác cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung và đảm bảo quyền lợi của con nên chấp nhận yêu cầu của anh A, giao con chung Yến F cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh A cho đến khi có yêu cầu. Đối với con chung Tín D và Hoàng E đã thành niên và anh A không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh A tự khai giữa anh A và chị B không có tài sản chung và không nợ gì của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do chưa có ý kiến của chị B về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hoàng A được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu B.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Có 03 người con chung tên:

1. Nguyễn Hoàng Tín D, sinh ngày 08/7/2000. Đã thành niên

2. Nguyễn Hoàng E, sinh ngày 23/8/2001. Đã thành niên.

3. Nguyễn Hoàng Yến F, sinh ngày 07/12/2003.

Giao Nguyễn Hoàng Yến F cho chị Nguyễn Thị Thu B trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Hoàng A cho đến khi có yêu cầu.

Anh A có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Hoàng A phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012339 ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Anh A, chị B có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q8;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- VKSND Q8;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lương Duy Minh Chính